



DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA XVI - KHOA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO
TIỂU LUẬN - MÔN : PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY VÀ ĐẠI THỪA
MÃ MÔN: PHIL401; MÃ LỚP: 516.DC.PHIL401.1.1
GIẢNG VIÊN : TT.TS. THÍCH ĐỨC TRƯỜNG
THỜI GIAN THI: 01/12/2022 06:00 - 20/12/2022 22:00

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
1	1370000275	Nguyễn Văn Giàu	T. Nguyên Phú			
2	1410000476	Nguyễn Thị Ngọc Minh	TN. Hạnh Thuyền			
3	1410000483	Võ Huyền Tươi	TN. Trung Tín			
4	1450000064	Nguyễn Tấn Khoa	T. Giác Quang			
5	1450000307	Lưu Thị Minh Nguyệt	TN. Nhuận Châu			
6	2010000030	Trần Trung Thiện	T. Quảng Nhân			
7	2010000036	Lê Quốc Vương	T. Nhuận Thịnh			
8	2050000002	Phạm Thiện Ân	T. Thiện Châu			
9	2050000103	Nguyễn Xuân Sang	T. Vạn Quang			
10	2050000155	Nguyễn Thế Viên	T. Đức Thành			
11	2050000185	Đặng Thị Hồng Cẩm	TN. Thiện Đăng			
12	2050000358	Lê Thị Nụ	TN. Tịnh Quán			
13	2150000002	Hà Thái An	T. Viên Hạnh			
14	2150000003	Nguyễn Trường Anh	T. Nguyên Quân			
15	2150000006	Trần Quang Diệu Bảo	T. Quang Tích			
16	2150000007	Nguyễn Hữu Bảo	T. Bản Trí			
17	2150000009	Nguyễn Công Bằng	T. Xương Thiện			
18	2150000010	Phạm Thanh Bình	T. Minh Tuệ			
19	2150000016	Ngô Ngọc Chiêu	T. Tâm Chiêu			
20	2150000017	Nguyễn Hữu Dầu	T. Bửu Kim			
21	2150000018	Lê Văn Duệ	T. Nguyên Dũng			
22	2150000020	Nguyễn Nam Duy	T. Đức Tâm			
23	2150000021	Nguyễn Tiến Nhất Duy	T. Chơn Minh			
24	2150000022	Trần Văn Duy	T. Phước Tịnh			
25	2150000024	Nguyễn Tấn Đạt	T. Phước Đạt			
26	2150000025	Nguyễn Tấn Đạt	T. Trúc Thái Thiện			

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
27	2150000026	Thượng Thành Đạt	T. Huệ Quang			
28	2150000027	Nguyễn Minh Đi	T. Trung Độ			
29	2150000030	Vũ Anh Đức	T. Nguyên Thành			
30	2150000031	Phan Hữu Quang Đức	T. Đạo Minh			
31	2150000033	Nguyễn Văn Hà	T. Chúc Hải			
32	2150000038	Lê Công Hiền	T. An Trí			
33	2150000039	Trần Thanh Hiệp	T. Chơn Quý			
34	2150000042	Nguyễn Ngô Thanh Hiếu	T. Trung Hiếu			
35	2150000046	Mai Văn Hòa	T. Giác Minh Báo			
36	2150000050	Trần Văn Hoàng	T. Bảo Hoàng			
37	2150000056	Lê Văn Hùng	T. Pháp Huệ			
38	2150000057	Nguyễn Văn Hùng	T. Thiện Dục			
39	2150000059	Nguyễn Xuân Huy	T. Nhuận Hoàn			
40	2150000063	Huỳnh Thế Kiệt	T. Đức Nhẫn			
41	2150000064	Nguyễn Quốc Khánh	T. Từ Nghiêm			
42	2150000065	Vo Bách Khoa	T. Tâm Mẫn			
43	2150000066	Đinh Hồng Khoa	T. Trung Văn			
44	2150000070	Cao Thanh Lịch	T. Nhật Sự			
45	2150000073	Võ Nhật Linh	T. Năng Hiền			
46	2150000076	Nguyễn Bảo Long	T. Chơn Trí Thành			
47	2150000077	Trần Thanh Lộc	T. Huyền Tịnh			
48	2150000078	Trần Văn Lợi	T. Quang Đạo			
49	2150000081	Quách Vĩnh Luân	T. Tâm Ấn			
50	2150000084	Nguyễn Trần Luật	T. Quảng Luận			
51	2150000091	Nguyễn Văn Mỹ	T. Ngô Pháp Tâm			
52	2150000096	Nguyễn Ngọc Nghĩa	T. Giác Chánh			
53	2150000103	Huỳnh Nhánh	T. Nhuận Đại			
54	2150000104	Huỳnh Trọng Nhân	T. Tâm Liêm			
55	2150000106	Lê Chí Nhân	T. Minh Tâm			
56	2150000110	Lương Đông Phong	T. Nhuận Vũ			
57	2150000111	Hồ Văn Phổ	T. Giác Minh Dưỡng			
58	2150000113	Hoàng Nguyên Trường Phúc	T. Pháp Trường			
59	2150000114	Trương Văn Phúc	T. Nhuận Thọ			

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
60	2150000119	Lê Hoàng Phương	T. Tâm Định			
61	2150000122	Lê Hồng Quang	T. Chúc Minh			
62	2150000126	Châu Anh Quân	T. Trung Thái			
63	2150000127	Nguyễn Anh Quân	T. Đức Ân			
64	2150000130	Nguyễn Phúc Quy	T. Ngộ Trí Hải			
65	2150000132	Lưu Hoàng Sang	T. Bảo Thiện			
66	2150000133	Ngô Thanh Sang	T. Nhuận Thắng			
67	2150000134	Hoàng Văn Sinh	T. An Pháp			
68	2150000136	Phạm Văn Sở	T. Tịnh Giác			
69	2150000137	Lê Thành Sự	T. Thiện Thuận			
70	2150000138	Phan Văn Sự	T. Hữu Pháp			
71	2150000139	Lê Văn Sửu	T. Minh Thành			
72	2150000140	Tiêu Tấn Sỹ	T. Đồng Quang			
73	2150000142	Mai Văn Tài	T. Trung Đức			
74	2150000144	Nguyễn Phước Tài	T. Quảng Viên			
75	2150000146	Nguyễn Bửu Tài	T. Đạt Ma Tuyên Định			
76	2150000149	Võ Văn Tài	T. Hưng Minh			
77	2150000152	Huỳnh Quốc Tấn	T. Thiện Thanh			
78	2150000153	Nguyễn Thanh Tiền	T. Đức Tiền			
79	2150000155	Trần Thanh Tiến	T. Nhuận Chánh			
80	2150000158	Trần Quốc Tỉnh	T. Quảng An			
81	2150000159	Lê Văn Tính	T. Quảng Thông			
82	2150000160	La Văn Toàn	T. Thánh Tâm			
83	2150000167	Tổng Hồ Trần Tuyền	T. Quảng Hào			
84	2150000169	Đặng Văn Trường Tươi	T. Nhuận Tĩnh			
85	2150000172	Eamaxít Tỷ	T. Vạn Thuận			
86	2150000174	Huỳnh Trần Duy Thái	T. Minh Tâm			
87	2150000175	Nguyễn Quang Thái	T. Đức Thạnh			
88	2150000176	Phạm Hòa Thanh	T. Truyền Tông			
89	2150000177	Võ Văn Thanh	T. Chúc Tâm			
90	2150000178	Lê Văn Thanh	T. Di Nhẫn			
91	2150000182	Nguyễn Đình Thành	T. Nhuận Nghiêm			
92	2150000183	Phạm Ngọc Thế	T. Nhuận Tĩnh			

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
93	2150000184	Võ Thế Thiên	T. Đồng Quang			
94	2150000186	Trần Văn Thiện	T. Minh Uyên			
95	2150000187	Trần Hữu Thiện	T. Đồng Thắng			
96	2150000188	Nguyễn Ngọc Thiện	T. Giác Tịnh			
97	2150000189	Trương Văn Thiện	T. Quảng Tâm			
98	2150000192	Nguyễn Anh Thống	T. Phước Tâm			
99	2150000194	Nguyễn Thanh Thức	T. Hiền Triết			
100	2150000197	Trần Đình Thương	T. Tịnh Đức			
101	2150000200	Trương Duy Trân	T. Vạn Bảo			
102	2150000201	Nguyễn Minh Trí	T. Đức Thức			
103	2150000203	Dương Minh Triều	T. Tâm Hoà			
104	2150000205	Phạm Tăng Trọng	T. Tịnh Pháp			
105	2150000207	Dương Đình Trọng	T. Giác Minh Hưởng			
106	2150000208	Đặng Thanh Trung	T. Nhuận Hải			
107	2150000209	Nguyễn Tấn Trung	T. Tâm Bá			
108	2150000210	Nguyễn Minh Trường	T. Trung Lưu			
109	2150000212	Lưu Đức Văn	T. Đức Chương			
110	2150000217	Trần Trương Thanh Vinh	T. Quảng Tịnh			
111	2150000222	Châu Văn Xuân	T. Giác Minh Xuân			
112	2150000223	Bùi Hoàng Xuyên	T. Minh Hùng			
113	2150000224	Hoàng Thị Ái	TN. Thánh Thiệt			
114	2150000225	Đoàn Thị Phương Anh	TN. Diệu Hòa			
115	2150000227	Nguyễn Thị Bé Ba	TN. Bồn Thảo			
116	2150000229	Lê Thị Ngọc Bích	TN. Viên Đạo			
117	2150000233	Trần Thị Thanh Cẩm	TN. Lương Như			
118	2150000234	Ngô Thị Mỹ Châu	TN. Hạnh Bảo			
119	2150000237	Lê Thị Kim Chi	TN. Khai Liên			
120	2150000238	Phan Thị Kim Chi	TN. Chánh Hạnh			
121	2150000239	Nguyễn Thị Chín	TN. Lâm Huyền Cát			
122	2150000240	Trần Thị Chung	TN. Thiền Viên			
123	2150000245	Phạm Thị Diễm	TN. Thanh Huyền			
124	2150000246	Huỳnh Trần Bảo Diệp	TN. Viên Nguyên			
125	2150000247	Phạm Thị Nhã Đoan	TN. Liên Hạnh			
126	2150000248	Đoàn Thị Dung	TN. Minh Tiến			

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
127	2150000249	Nguyễn Thị Dung	TN. Nhuận Nguyễn			
128	2150000250	Nguyễn Thị Mỹ Dung	TN. Thanh Nhân			
129	2150000252	Võ Tú Dung	TN. Diệu Hoà			
130	2150000253	Võ Thị Kim Dung	TN. Viên Hiếu			
131	2150000254	Võ Thị Thùy Dung	TN. An Hảo			
132	2150000255	Phạm Thuý Dương	TN. Phước Thiện			
133	2150000257	Nguyễn Mỹ Duyên	TN. Nhân Liên			
134	2150000258	Nguyễn Thị Hà Duyên	TN. Hạnh Minh			
135	2150000261	Nguyễn Thị Hương Giang	TN. Nhuận Sơn			
136	2150000263	Đinh Thị Hà	TN. Phước Như			
137	2150000265	Lê Thị Thu Hà	TN. Đức Đạo			
138	2150000268	Nguyễn Thị Thái Hà	TN. Chơn Tâm Thông			
139	2150000269	Nguyễn Thị Thanh Hà	TN. Thiên Bảo			
140	2150000274	Nguyễn Thị Thuý Hằng	TN. Thông Nghĩa			
141	2150000275	Vương Thanh Hằng	TN. Tuệ Phúc			
142	2150000277	Huỳnh Nữ Hạnh	TN. Tú Liên			
143	2150000278	Lê Thị Hồng Hạnh	TN. Thường Chánh			
144	2150000281	Nguyễn Thị Hào	TN. Thánh Hiền			
145	2150000283	Bùi Thị Hiền	TN. Thanh Trí			
146	2150000286	Huỳnh Thị Hiền	TN. Vạn Triết			
147	2150000289	Phan Thị Thu Hiền	TN. Thích Liên			
148	2150000290	Sơn Thị Hiền	TN. Diệu Duyên			
149	2150000294	Nguyễn Thị Bích Hoa	TN. Trung Thiện			
150	2150000296	Trần Thị Mỹ Hoa	TN. Huệ Tuyền			
151	2150000297	Phạm Thị Hòa	TN. Hiễn Thanh			
152	2150000299	Nguyễn Nhật Hoàng	TN. Nguyên Thành			
153	2150000300	Nguyễn Thị Hoàng	TN. Liên Khuê			
154	2150000301	Trần Thị Minh Hoàng	TN. Thiên Nguyễn			
155	2150000302	Lê Thị Hồng	TN. Lệ Khánh			
156	2150000303	Ngô Thị Hồng	TN. Thánh Tiên			
157	2150000304	Nguyễn Thị Ánh Hồng	TN. Chúc Hân			
158	2150000306	Vũ Thị Thuý Hồng	TN. Huệ Ngọc			
159	2150000308	Trần Kim Huệ	TN. Nhã Liên			

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
160	2150000310	Nguyễn Thị Thu Hương	TN. Quảng Hoa			
161	2150000311	Trần Thị Mỹ Hương	TN. Hằng Giới			
162	2150000312	Trương Thị Thùy Hương	TN. Nhật Hạnh			
163	2150000313	Nguyễn Thị Hường	TN. Liên Tâm			
164	2150000321	Đinh Thị Thúy Kiều	TN. Nhựt Liên			
165	2150000322	Nguyễn Thị Kiều	TN. Nhuận Hiền			
166	2150000323	Nguyễn Thị Lâm	TN. Hòa Liên			
167	2150000325	Trịnh Thùy Lan	TN. Trung Hiếu			
168	2150000326	Nguyễn Thị Thúy Lành	TN. Tuệ Đức			
169	2150000327	Đặng Ngọc Pha Lê	TN. Hải Trang			
170	2150000329	Phạm Thị Cẩm Lệ	TN. Trung Nguyên			
171	2150000332	Lê Thị Hồng Liên	TN. Vạn Dung			
172	2150000334	Nguyễn Thị Liễu	TN. Minh Thủy			
173	2150000335	Bùi Thùy Linh	TN. Diệu Ngộ			
174	2150000336	Lê Thị Lâm Linh	TN. Liên Liên			
175	2150000340	Võ Thị Linh	TN. Chúc Châu			
176	2150000341	Võ Thị Ngọc Linh	TN. An Bảo			
177	2150000343	Lê Thị Phương Loan	TN. Nguyên Hồng			
178	2150000344	Lê Thị Thanh Loan	TN. Huệ Tịnh			
179	2150000347	Phan Kim Loan	TN. Thành Hòa			
180	2150000349	Trần Thị Loan	TN. Huệ Hiệp			
181	2150000351	Lê Thị Lộc	TN. Hương Tuệ			
182	2150000354	Đỗ Thị Hữu Lượng	TN. Hạnh Quang			
183	2150000355	Bùi Thị Phong Lưu	TN. Nhuận Truyền			
184	2150000358	Nguyễn Lê Thanh Lý	TN. Định An			
185	2150000359	Trương Thị Hải Lý	TN. Sơn Hạnh			
186	2150000360	Võ Thị Lý	TN. Vạn Nhiên			
187	2150000363	Trần Thị Mai	TN. Tuệ Quang			
188	2150000364	Đặng Thị Mão	TN. Thường Viên			
189	2150000365	Lâm Bảo Minh	TN. Minh Hòa			
190	2150000366	Nguyễn Thị Mơ	TN. Quảng Tường			
191	2150000367	Nguyễn Thị Mơ	TN. Thiện Thuần			
192	2150000370	Trần Thị Diễm My	TN. Liên Hòa			
193	2150000371	Trương Thị Bích My	TN. Tâm Hạnh			

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
194	2150000372	Nguyễn Thị Na	TN. Huệ Thoại			
195	2150000373	Dương Thụy Hồng Nga	TN. Uyển Chánh			
196	2150000376	Hồ Thị Ngân	TN. Thuần Liên			
197	2150000381	Triệu Thị Nghĩa	TN. An Tịnh			
198	2150000385	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TN. Vạn Minh			
199	2150000386	Phạm Thị Ngọc	TN. Thánh Thanh			
200	2150000387	Trương Hồng Ngọc	TN. Liên Trang			
201	2150000389	Võ Thị Ngọc Nguyên	TN. Thanh Phương			
202	2150000392	Ngô Thị Tuyết Nhi	TN. Thanh Tâm			
203	2150000396	Phan Thị Quỳnh Như	TN. Nhật Đoan			
204	2150000397	Trần Vệ Diệu Như	TN. Minh Mỹ			
205	2150000399	Đỗ Thị Tuyết Nhung	TN. Thánh Nguyên			
206	2150000400	Phạm Thị Hồng Nhung	TN. Thanh Hoàng			
207	2150000405	Huỳnh Thị Thu Nữ	TN. Hoa Hạnh			
208	2150000406	Vi Xuân Nương	TN. Tịnh Phước			
209	2150000407	Lê Thị Tố Ny	TN. Diệu Hạnh			
210	2150000408	Dương Thị Oanh	TN. Diệu Phương			
211	2150000409	Lê Thị Oanh	TN. Thiên Hạnh			
212	2150000412	Nguyễn Thị Oanh	TN. Bảo Trí			
213	2150000414	Lâm Hiệp Phố	TN. Liên Thuận			
214	2150000417	Nguyễn Thị Anh Phụng	TN. Viên Ân			
215	2150000418	Trần Thị Kim Phước	TN. Thọ Khánh			
216	2150000419	Lê Thị Hồng Phương	TN. Tịnh Hằng			
217	2150000420	Trần Thị Thu Phương	TN. Huyền Trí			
218	2150000422	Nguyễn Thị Phụng	TN. Nguyên Nhã			
219	2150000423	Nguyễn Thị Hồng Phụng	TN. Như Ân			
220	2150000424	Nguyễn Thị Hồng Phụng	TN. Quảng Thuận			
221	2150000425	Nguyễn Thị Thanh Phụng	TN. Chánh Tịnh			
222	2150000426	Trần Thị Minh Phụng	TN. Quảng Tịnh			
223	2150000428	Nguyễn Thị Phương Quyên	TN. Hoàn Như			
224	2150000429	Nguyễn Thị Quyết	TN. Tuệ Nhật			
225	2150000430	Ngô Như Quỳnh	TN. Quang Hương			
226	2150000433	Đặng Thị Dy Sa	TN. Nhuận Tuệ			
227	2150000438	Trịnh Thị Sương	TN. Vạn Sương			

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
228	2150000439	Đào Ngọc Tâm	TN. Tâm Hào			
229	2150000443	Lê Thị Phúc Thanh	TN. Chúc Trí			
230	2150000445	Võ Thị Thao	TN. Thiên Diễn			
231	2150000446	Lê Thị Kim Thảo	TN. Nhuận Nguyên			
232	2150000447	Lê Thị Thanh Thảo	TN. Thông Hiền			
233	2150000449	Nguyễn Thị Mai Thảo	TN. Chúc Nguyên			
234	2150000450	Nguyễn Thị Phương Thảo	TN. Quảng Thông			
235	2150000453	Võ Thị Thu Thảo	TN. Thọ Thánh			
236	2150000454	Nguyễn Thị Hồng Thi	TN. An Triết			
237	2150000456	Phạm Thị Ngọc Thiện	TN. Như Tâm			
238	2150000457	Nguyễn Thị Thanh Thiệp	TN. Huệ Khánh			
239	2150000458	Sử Thị Thanh Thịnh	TN. Đức Hiền			
240	2150000462	Lương Thị Thơm	TN. Nhã An			
241	2150000464	Huỳnh Thị Thu	TN. Thiện Thông			
242	2150000465	Ngô Thị Thu	TN. Huệ Hải			
243	2150000466	Lê Đỗ Anh Thư	TN. Giác Đăng			
244	2150000467	Lê Thị Minh Thư	TN. Huệ Đức			
245	2150000468	Nguyễn Phương Anh Thư	TN. Tuệ Liên			
246	2150000470	Ngô Thị Thuận	TN. Vạn Thảo			
247	2150000472	Phan Thị Thương Thương	TN. Nhuận Thành			
248	2150000473	Mai Thị Thương	TN. Thánh Thương			
249	2150000474	Nguyễn Thị Thúy	TN. Viên Huyền			
250	2150000479	Võ Thị Thanh Thúy	TN. Thanh Ân			
251	2150000480	Mai Thị Thuý	TN. Thánh Thực			
252	2150000481	Lê Thị Yến Thùy	TN. Thiên Hạnh			
253	2150000485	Bùi Xuân Thủy	TN. Hạnh Mẫn			
254	2150000488	Phạm Thị Thủy	TN. Liên Hạo			
255	2150000489	Trương Thị Thu Thủy	TN. Thanh Nghiêm			
256	2150000493	Trần Minh Thị Thủy Tiên	TN. Định Nghiêm			
257	2150000494	Lê Xuân Tiệp	TN. Trung Phúc			
258	2150000497	Nhữ Thị Thanh Trà	TN. Thành Hương			
259	2150000498	Ngô Thị Trâm	TN. Nghĩa Nhân			
260	2150000499	Nguyễn Thị Kim Trâm	TN. Thanh Nguyệt			
261	2150000500	Trần Đặng Thị Bích Trâm	TN. Diệu Đạt			

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
262	2150000503	Nguyễn Thị Thùy Trang	TN. Thông Chính			
263	2150000505	Nguyễn Thị Thùy Trang	TN. Bồn Thanh			
264	2150000508	Phan Thị Trinh	TN. Thiên Tịnh			
265	2150000509	Phan Thị Thảo Trinh	TN. Bích Nguyệt			
266	2150000510	Trần Thị Trinh	TN. Huệ Thanh			
267	2150000511	Trần Thị Tú Trinh	TN. Viên Thành			
268	2150000513	Đỗ Thanh Thanh Trúc	TN. Như Viên			
269	2150000516	Lê Thủy Trúc	TN. Tịnh Minh			
270	2150000519	Nguyễn Thị Tươi	TN. Đức Hoa			
271	2150000520	Võ Thị Mộng Tuyền	TN. Thánh Phúc			
272	2150000524	Phan Thị Bạch Tuyết	TN. An Hương			
273	2150000526	Lê Thị Út	TN. Liên Tâm			
274	2150000528	Nguyễn Trần Phương Uyên	TN. Pháp Từ			
275	2150000529	La Thị Nhật Vân	TN. Huyền Tịnh			
276	2150000531	Nguyễn Thị Kim Vang	TN. Huệ Tâm			
277	2150000533	Nguyễn Thị Thùy Vi	TN. Bảo Liên			
278	2150000539	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	TN. Nhật Bảo			
279	2150000540	Nguyễn Thị Thu Xuân	TN. Liên Giác			
280	2150000541	Lê Thị Xuân	TN. Thiên Tánh			
281	2150000542	Trần Thái Như Ý	TN. Vạn Nguyên			
282	2150000544	Nguyễn Thị Như Yến	TN. Thánh Trà			

TỔNG BÀI THI:

GIÁM THỊ GIÁM THỊ

1

2

(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ

(Ký, họ tên)

GIẢNG VIÊN